TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 12 - 2019
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung'

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Trọng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Chung
2. Ông Đặng Văn Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị N, sinh năm 1984, "có mặt".
Địa chỉ: Thôn 2, Khu 1, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1983, "vắng mặt".
Địa chỉ: Thôn 8, Khu 4, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 9 năm 2019 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày: Chị và anh Trần Văn L kết hôn với nhau ngày 15/02/2003, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và việc đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh L ở thôn 8, khu 4, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống chị và anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L thường chơi bời, không tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, chị và anh L đã ly thân nhau từ đầu năm 2019 đến nay, không ai quan tâm thăm hỏi gì nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là cháu Trần Văn D, sinh ngày 01/11/2004 và cháu Trần Văn K, sinh ngày 14/10/2014; hiện cả hai cháu đều đang ở cùng chị. Ly hôn chị xin nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp; các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh L nhưng anh L đều không đến Tòa làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại địa phương và gia đình cho biết trong quá trình chung sống anh L và chị N có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì gia đình và địa phương không nắm được. Anh L và chị N có 02 con chung là Trần Văn D, sinh ngày 01/11/2004 và Trần Văn K, sinh ngày 14/10/2014; hiện cả hai cháu đều đang ở cùng chị. Nay chị N xin ly hôn anh L, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về kiểm sát tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị N đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh L là bị đơn không chấp hành, vắng mặt khi giải quyết vụ án nên anh L phải tự chịu trách nhiệm.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Đặng Thị N được ly hôn với anh Trần Văn L. Về con chung: Giao cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu Trần Văn D, sinh ngày 01/11/2004 và Trần Văn K, sinh ngày 14/10/2014 (hiện cả hai cháu đều đang ở cùng chị); anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về chia tài sản các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn và phân chia nuôi con chung với anh Trần Văn L. Bị đơn anh L hiện có hộ khẩu và cư trú tại thôn 8, khu 4, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đối với anh L quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên

Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị N và anh L đăng ký kết hôn ngày 15/02/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, tiến bộ vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xem xét hôn nhân giữa chị N và anh L thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị N và anh L có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như chị N trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L thường chơi bời, tụ tập không quan tâm đến gia đình vợ con dẫn đến vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, chị và anh L đã ly thân nhau từ đầu năm 2019 đến nay, không ai quan tâm thăm hỏi gì nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh L mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng đều không có mặt để trình bày ý kiến về mâu thuẫn hay xin đoàn tụ. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị N xin ly hôn anh L là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh L có 02 con chung là cháu Trần Văn D, sinh ngày 01/11/2004 và cháu Trần Văn K, sinh ngày 14/10/2014 (hiện cả hai cháu đều đang ở cùng chị N). Ly hôn chị N xin được nuôi cả hai, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh L không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm về việc nuôi con. Chị N hiện có chỗ ở, công việc thu nhập ổn định do đó cần giao cả hai cháu cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

[4] Về tài sản chung: Chị N không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tài sản và có đề nghị thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị N được ly hôn với anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Văn D, sinh ngày 01/11/2004 và cháu Trần Văn K, sinh ngày 14/10/2014 (hiện cả hai cháu đều đang ở cùng chị N) cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số:

AA/2017/0004701 ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị N đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã Đại Đồng, Vĩnh Tường;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Xuân Trọng